TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN
Bản án số:12/2024/DS -ST
Ngày:10/4/2024
(*V/v: Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đô.
2. Bà Lê Thị Kiều Thu.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Vũ Thuỳ Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 376/2023/TLST- DS ngày 15/11/2023 về việc " *Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-DS ngày 21/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2024/QĐST-DS ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Do bà Nguyễn Đức Thạch D, Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở: 266 - B N, phường A, Quận B, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thái H, chuyên viên quản lý nợ.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Nhật Th, sinh năm: 1995.

Nơi cư trú: khu phố 01, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn Nguyễn Nhật Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 06/09/2022, Ông Nguyễn Nhật Th có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Bình Thuận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng

thẻ tín dụng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng) đối với số thẻ 472074-1617 theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 40.000.000 đồng, Mục đích: tiêu dùng, Lãi suất: 2,76%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông Nguyễn Nhật Th đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 78.761.600 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, Ông Nguyễn Nhật Th đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 46.949.579 đồng. Cụ thể: trừ phí vượt hạn mức 301.959 đồng, phí trễ hạn 1.191.118 đồng, phí khác 840.000 đồng, một phần lãi trong hạn 11.691.514 đồng, và gốc 32.924.988 (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông Nguyễn Nhật Th vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông Nguyễn Nhật Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 10/08/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 45.836.612 đồng sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 4,14%/tháng (= 2,76%/tháng x 150%) (Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi phát sinh từ ngày 11/08/2023 đến ngày 22/02/202 là: 12.424.832 đồng. Như vậy, Tính đến ngày 22/02/2024, Ông Nguyễn Nhật Th còn nợ ngân hàng số tiền là 58.261.444 đồng, trong đó nợ gốc 45.836.612 đồng, nợ lãi 12.424.832 đồng, tuy nhiên, Ông Th vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề sau:

1. Buộc Ông Nguyễn Nhật Th phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 58.261.444 đồng, trong đó nợ gốc 45.836.612 đồng, nợ lãi 12.424.832 đồng

2. Và Ông Nguyễn Nhật Th có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 23/02/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

3. Bị đơn phải chịu tất cả án phí và các chi phí liên quan khác.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Nhật Th phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 61.304.260 đồng, trong đó nợ gốc 45.836.612 đồng, nợ lãi 15.467.648 đồng tính đến ngày 10/4/2024 và lãi phát sinh từ ngày 11/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

*Bị đơn ông Nguyễn Nhật Th có hộ khẩu thường trú tại khu phố 01, phường P, thành phố P, do ông Th thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án**:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (nguyên đơn) đã tuân thủ đúng quy định của

pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Nhật Th có hộ khẩu thường trú tại khu phố 01, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Th vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp nhận thấy:

Vào ngày 06/9/2022, ông Th có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Bình Thuận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 472074 -1617 theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 40.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng; Lãi suất: 2,76%/tháng, lãi suất quá là 4,14%/tháng (2,76%/tháng x 150%). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Th đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 78.761.600 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Th đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 46.949.579 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ vào các khoản giao dịch, đến ngày 10/8/2023, ông Th không thanh toán cho Ngân hàng nữa nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 45.836.612 đồng sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 4,14%/tháng (2,76%/tháng x 150%) (Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Như vậy, hiện nay ông Th còn nợ chưa thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc là 45.836.612 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 10/4/2024 là 15.467.648 đồng. Tổng cộng là 61.304.260 đồng.

Xét thấy, ông Th đã ký vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng vào ngày 06/9/2022, tại phần cam kết của Giấy đề nghị ông Th đã xác nhận ông đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng, ràng buộc về mặt pháp lý giữa ông với Ngân hàng đơn vị phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, ông chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng ông được cấp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng quy định tại mục 2, mục 18, mục 19, mục 23 và mục 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng vào ngày 06/9/2022 nên Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc còn lại là 45.836.612 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 10/4/2024 là 15.467.648 đồng và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 11/4/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Đây là việc vay tiền của tổ chức tín dụng nên lãi suất được áp dụng theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự;
- Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;
- Luật ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật thi hành án dân sự.

2/Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Nhật Th phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 61.304.260 đồng (trong đó tiền gốc là 45.836.612 đồng, tiền lãi tính đến ngày 10/4/2024 là 15.467.648 đồng) và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 11/4/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/9/2022 kèm theo

Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng TMCP S.

3/Án phí: Ông Nguyễn Nhật Th phải nộp 3.065.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.206.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0019004 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Án xử công khai có mặt đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/4/2024), của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP. P;*
- *Chi cục THADS TP. P;*
- *Lưu hồ sơ.*

Nơi nhận:
- *Các đương sự*;
- *VKSND TP. P;*
- *Chi cục THADS TP. P;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thôi **Lê Thị Kiều Thu** **Phạm Phong Lan**

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP. P;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS TP. P;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Phong Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lưu Thị Thôi	**Nguyễn Văn Đô**
	Phạm Phong Lan

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự*;
- *VKSND TP. P;*
- *Chi cục THADS TP. P;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan